

Từ cửa Thiền đến phong trào Cách mạng: Chân dung các vị cao tăng Nam Bộ yêu nước thế kỷ XX

ISSN: 2734-9195 08:05 20/09/2025

Trên phương diện xã hội - văn hóa, các cao tăng đã bảo tồn và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống, đưa tư tưởng từ bi - vô úy của đạo Phật vào thực tiễn đấu tranh, củng cố khối đoàn kết toàn dân.

Tác giả: **Trần Tấn Khải (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Dẫn nhập:

Thế kỷ XX đánh dấu một giai đoạn đầy biến động của Nam Bộ, khi vùng đất này trải qua ách thống trị của thực dân Pháp, thời kỳ Nhật chiếm đóng, rồi hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ (1954-1975). Với vị trí chiến lược, Nam Bộ vừa là tiền tuyến lớn, vừa là căn cứ địa quan trọng của cách mạng. Trong bối cảnh ấy, Phật giáo - tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo - không chỉ là chỗ dựa tinh thần của nhân dân mà còn tích cực tham gia vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Những bậc cao tăng ở Nam Bộ thế kỷ XX, bên cạnh việc tu hành và hoằng pháp, còn trực tiếp góp sức cho cách mạng: che giấu cán bộ, gây dựng cơ sở, tổ chức phong trào đấu tranh hoặc phản đối các chính sách đàn áp Phật giáo. Việc tìm hiểu tiểu sử, hành trạng và đóng góp của họ không chỉ khắc họa hình ảnh những nhà sư gắn bó máu thịt với dân tộc, mà còn làm rõ mối liên hệ mật thiết giữa đạo pháp và mục tiêu giành độc lập.

Xuất phát từ mục tiêu đó, bài viết khảo cứu một số cao tăng tiêu biểu ở Nam Bộ thế kỷ XX về phương diện tiểu sử, con người, hoạt động đóng góp, qua đó khẳng định vai trò đặc biệt của giới tăng sĩ trong tiến trình đấu tranh vì tự do, độc lập của đất nước.

2. Khái quát về Phật giáo Nam Bộ và truyền thống yêu nước



Hình mang tính minh họa

Phật giáo ở Nam Bộ mang những nét đặc thù nổi bật, khác biệt so với các vùng khác trong cả nước. Nơi đây cùng lúc tồn tại và phát triển hai truyền thống lớn: Phật giáo Bắc tông (Việt) và Phật giáo Nam tông (Khmer). Bắc tông được truyền vào theo bước chân lưu dân người Việt từ thế kỷ XVII, gắn với hệ thống chùa Việt, kinh sách Hán - Nôm và hình thức tu học quen thuộc ở miền Bắc và miền Trung. Nam tông, đặc biệt là Nam tông Khmer, đã có mặt từ lâu đời trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ, sử dụng ngôn ngữ Pali, kiến trúc chùa mang đặc trưng văn hóa Ấn Độ - Đông Nam Á. Hai hệ phái cùng tồn tại, giao lưu và ảnh hưởng lẫn nhau, tạo nên diện mạo Phật giáo Nam Bộ vừa đa dạng vừa giàu tính dung hợp.

Bên cạnh sự đa dạng về tông phái, Phật giáo Nam Bộ còn nổi bật ở tính linh hoạt và gắn bó sâu sắc với đời sống thường dân. Các ngôi chùa không chỉ là nơi hành lễ, tu tập mà còn là trung tâm văn hóa, nơi tổ chức lễ hội, giảng dạy chữ nghĩa, truyền bá đạo đức, và duy trì mối liên kết cộng đồng. Đối với người dân Nam Bộ, chùa là điểm tựa tinh thần, nơi gửi gắm niềm tin trong lúc an vui cũng như gian khó.

Truyền thống yêu nước của Phật giáo Việt Nam vốn có từ lâu, bắt nguồn từ tinh thần “hộ quốc an dân” thời Lý - Trần, khi nhiều thiền sư trực tiếp tham gia lãnh

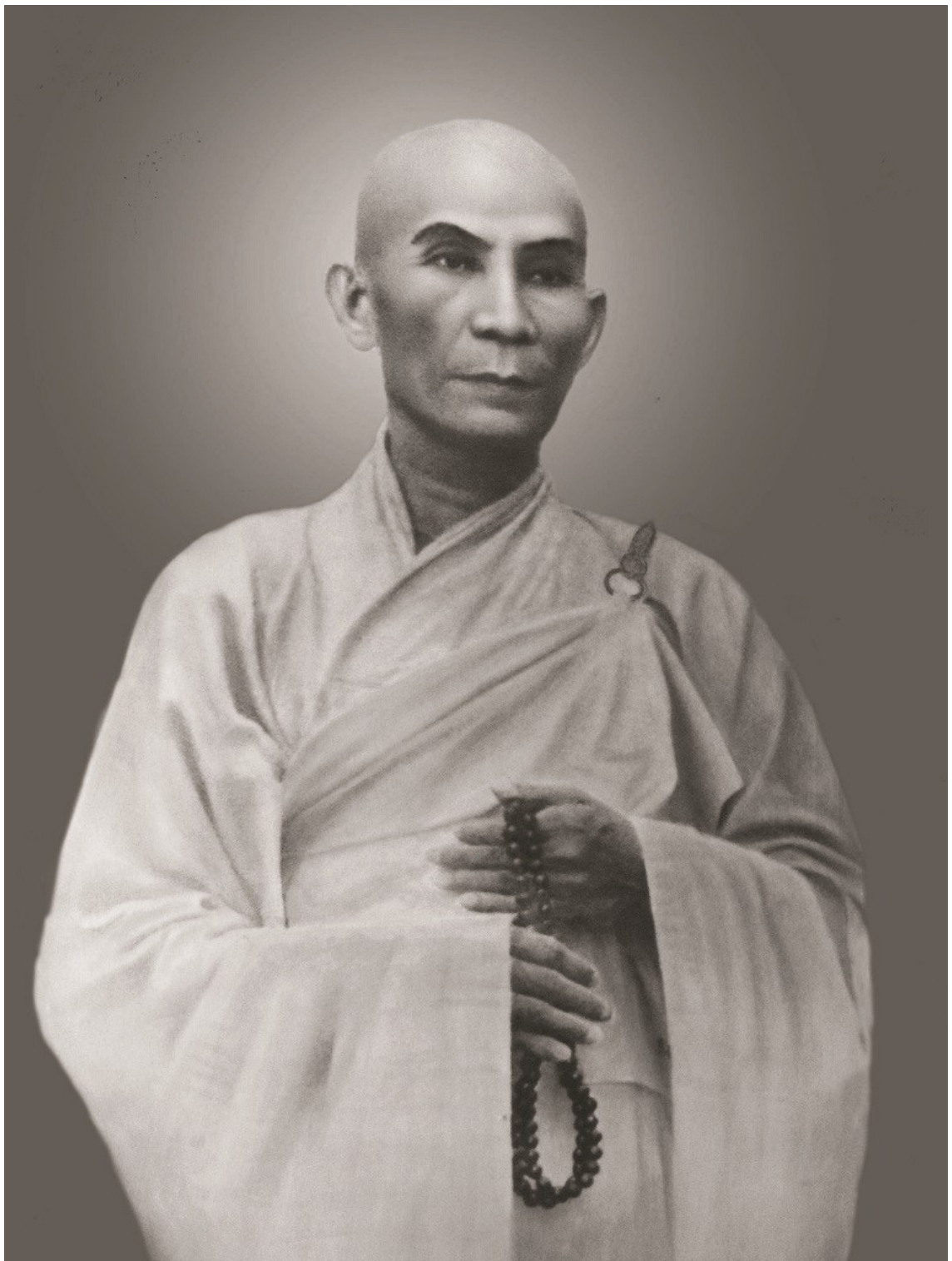
đạo quân dân chống giặc ngoại xâm, vừa là nhà tu hành vừa là chiến lược gia, ngoại giao gia. Bước sang thời cận đại, truyền thống ấy tiếp tục thể hiện qua các phong trào chống thực dân, bảo vệ dân quyền, trong đó nhiều nhà sư đã trở thành thủ lĩnh tinh thần của quần chúng.

Ở Nam Bộ thế kỷ XX, bối cảnh áp bức thuộc địa, bất công xã hội và kỳ thị tôn giáo dưới chế độ thực dân và chính quyền tay sai đã thôi thúc các vị tăng sĩ nhập cuộc. Tinh thần từ bi và lý tưởng cứu khổ của đạo Phật, khi gặp khát vọng độc lập, tự do của dân tộc, đã tạo nên những nhân cách lớn: vừa trọn đạo tu hành, vừa dấn thân vì đất nước. Đây chính là tiền đề để xuất hiện những cao tăng tiêu biểu - những người sẽ được bài viết tiếp theo khắc họa như những gương sáng của sự kết hợp giữa đạo và đời, giữa lý tưởng tôn giáo và tinh thần yêu nước bất khuất.

3. Chân dung các vị cao tăng yêu nước tiêu biểu

Dưới đây, bài viết xin trình bày về một số các vị cao tăng yêu nước ở Nam Bộ trong giai đoạn này, tập trung khắc họa sâu về từng người trên phương diện tiểu sử, hoạt động tôn giáo và những đóng góp quan trọng.

Hòa thượng Thích Quảng Đức (1897-1963)



(Ảnh: Internet)

Tên khai sinh Lâm Văn Tức, sinh tại Khánh Hòa, xuất gia từ nhỏ và thọ giới Tỳ-kheo ở tuổi 20. Ngài tu hành khổ hạnh, thực hành hạnh đầu-đà, mở hoặc trùng tu hơn 30 ngôi chùa khắp miền Nam, sống thanh bần, không màng danh lợi. Trong giáo hội, Ngài giữ nhiều chức vụ nhưng luôn giữ phong thái khiêm hạ, lấy sự hành trì nghiêm mật làm tấm gương cho môn đồ.

Ngày 11/6/1963, để phản đối chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, Ngài tự thiêu giữa ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn

Duyệt, Sài Gòn. Ngọn lửa từ bi của Ngài khiến thế giới bàng hoàng, hình ảnh do phóng viên Malcolm Browne ghi lại đã lan khắp các mặt báo quốc tế, trở thành biểu tượng của tinh thần bất bạo động và hy sinh vì đại nghĩa. Trái tim bất diệt của Ngài trở thành biểu tượng thiêng liêng, khơi nguồn cảm hứng đấu tranh bất bạo động cho Phật tử Việt Nam và cộng đồng quốc tế.

Sự kiện này không chỉ làm thay đổi cục diện phong trào Phật giáo 1963, mà còn gây sức ép buộc chính quyền Sài Gòn nhượng bộ. Tấm gương của Ngài là đỉnh cao của việc gắn đạo với đời - hy sinh thân mạng để bảo vệ tự do tín ngưỡng và quyền bình đẳng tôn giáo.

Hòa thượng Thích Thiện Hoa (1918-1973)



(Ảnh: Internet)

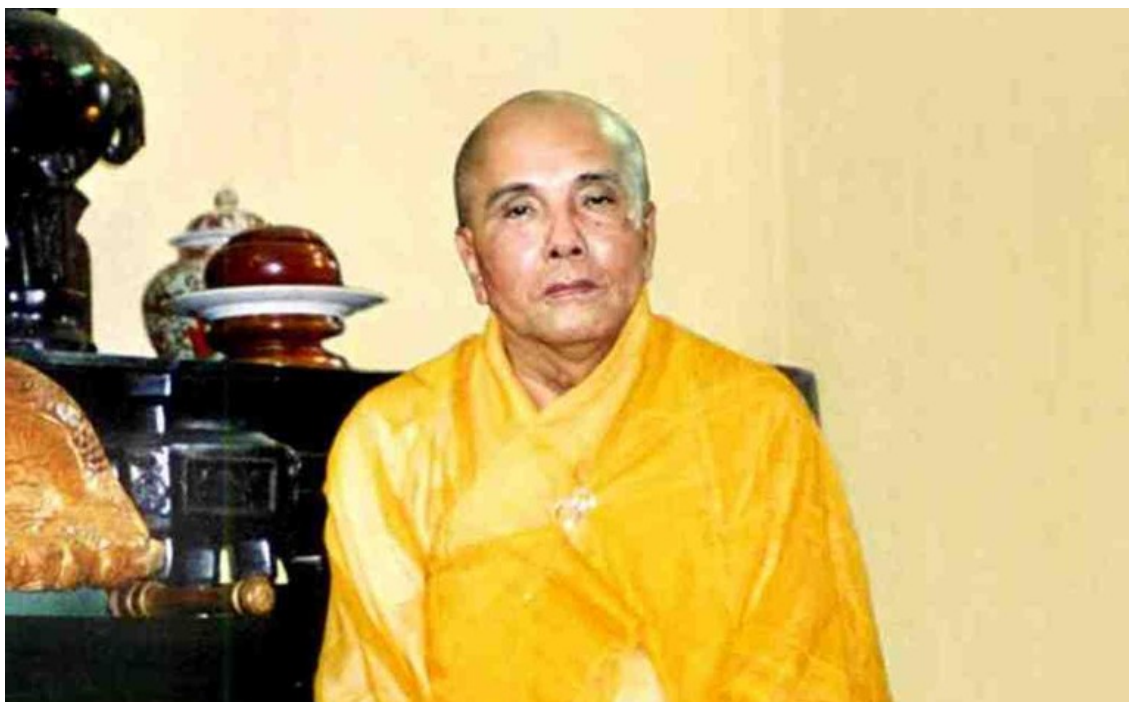
Hòa thượng Thích Thiện Hoa (pháp danh Thiện Hoa, húy Trần Thiện Hoa) sinh năm 1918 tại làng Tân Quy, tỉnh Trà Vinh. Xuất thân trong một gia đình mộ đạo Phật, Ngài xuất gia từ năm 7 tuổi tại chùa Phước Hậu (Trà Vinh) và theo học với Tổ Khánh Anh từ thuở thiếu thời. Với tư chất thông tuệ và chí cầu tiến, Thích Thiện Hoa đã dùi mài kinh điển tại các Phật học đường danh tiếng (như Phật học đường Lương Xuyên, Huế) và trở thành một vị tăng tài uyên bác vào những năm trưởng thành.

Thích Thiện Hoa là một trong những nhân vật chủ chốt của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam giữa thế kỷ XX. Ngài đảm nhiệm nhiều cương vị quan trọng: Trụ trì Việt Nam Quốc Tự (Sài Gòn) và Đệ nhất Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo nhiệm kỳ đầu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) sau năm 1964. Trước đó, Ngài đã mở nhiều lớp Phật học và thành lập các trường Phật học tại miền Nam, trực tiếp đào tạo hàng trăm tăng ni tài đức. Hòa thượng cũng chú trọng hoạt động từ thiện và giáo dục: Ngài góp phần sáng lập Phật Học viện Huệ Nghiêm, trường cơ bản Phật học cho Ni giới (Tứ Nghiêm, Dược Sư), cô nhi viện Diệu Quang, và thậm chí xây dựng Niệm Phật đường trong khám Chí Hòa để hoằng pháp độ nhân ở mọi nơi. Với công hạnh toàn diện đó, Ngài được tôn xưng là một danh tăng thạch đức, suốt đời tận tụy phục vụ Đạo pháp và xây dựng cộng đồng Phật giáo vững mạnh.

Là một cao tăng luôn “yêu nước mến đạo”, Thích Thiện Hoa tích cực tham gia các phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng và công bằng xã hội. Trong pháp nạn 1963 dưới thời Ngô Đình Diệm, Ngài giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, lãnh đạo tăng ni Phật tử đấu tranh bất bạo động đòi bình đẳng tôn giáo. Cuộc vận động này giành thắng lợi, buộc chính quyền phải nhượng bộ và dẫn tới sự ra đời của GHPGVNTN. Giai đoạn 1966, khi phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Trung bùng nổ, Hòa thượng Thích Thiện Hoa được suy cử làm Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, tiếp tục chèo lái con thuyền Phật giáo vượt qua sóng gió thời cuộc. Dù bệnh trọng, Ngài vẫn kiên định “bảo vệ Đạo pháp và cứu nước cứu dân”, luôn nhấn mạnh rằng sự tồn tại của đạo pháp gắn liền với sự tồn vong của dân tộc. Bên cạnh đó, Hòa thượng còn âm thầm hỗ trợ cơ sở cách mạng trong thời kỳ chiến tranh, tạo điều kiện cho nhiều tăng ni yêu nước tham gia kháng chiến.

Đóng góp lớn nhất của Thích Thiện Hoa là đào tạo nên một thế hệ tăng ni Phật tử vừa thông suốt giáo lý, vừa nặng lòng với quê hương. Ngài được kính trọng vì luôn nêu gương nhập thế, khuyến khích Tăng Ni “không thu mình trong chỗ hẹp” mà phải gắn đạo với đời. Những lời giáo huấn của Ngài về tinh thần phục vụ chúng sinh và phụng sự dân tộc trở thành kim chỉ nam cho Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Cuộc đời và sự nghiệp Thích Thiện Hoa minh chứng sống động rằng người tu sĩ chân chính luôn coi “Phật pháp và dân tộc như bóng với hình” - phụng sự đạo cũng là phụng sự nước nhà. Với 55 năm tận tụy vì đạo pháp và dân tộc, Ngài đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam như một bậc chân tu yêu nước tiêu biểu.

Hòa thượng Thích Trí Quang (1923-2019)



(Ảnh: Internet)

Hòa thượng Thích Trí Quang (tên khai sinh Phạm Quang) sinh năm 1923 tại làng Diêm Điền, tỉnh Quảng Bình. Ngài xuất gia năm 13 tuổi tại chùa Ba La Mật (Huế), pháp danh Trí Quang, sớm nổi tiếng thông hiểu Nho học lẫn Phật học. Trong thập niên 1940, Thích Trí Quang tham gia phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Trung, theo học các bậc cao tăng như Hòa thượng Thích Trí Độ, Thích Mật Thể - những người đặt nền móng cho Phật giáo cứu quốc. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Ngài từng ra Hà Nội cùng Hòa thượng Trí Độ mở Phật học viện Quán Sứ, rồi trở về Huế hoằng hóa. Đến thập niên 1950, Thượng tọa Trí Quang trở thành một trong những lãnh đạo có uy tín nhất của Phật giáo miền Trung, nổi tiếng với trí tuệ sắc sảo và lập trường bất bạo động. Chính vì thế, khi cuộc khủng hoảng Phật giáo 1963 nổ ra, Thích Trí Quang nhanh chóng nổi lên như nhà lãnh đạo tinh thần của phong trào, được tăng ni và Phật tử khắp miền Nam kính phục.

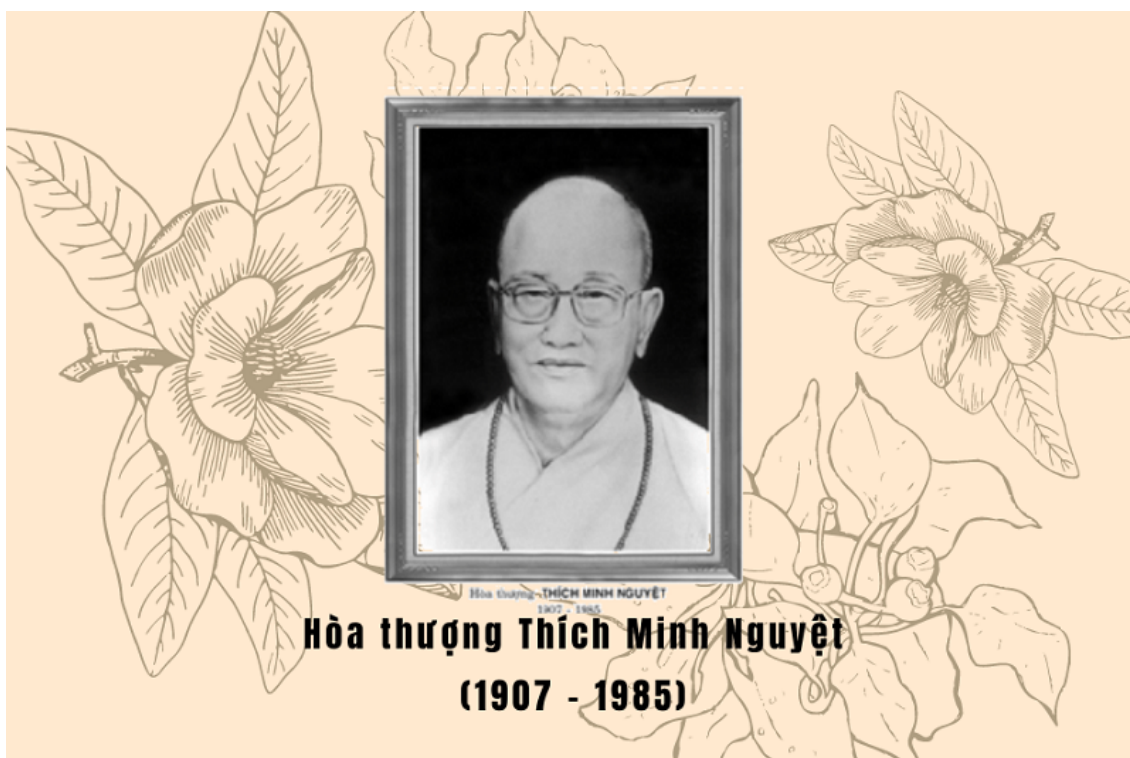
Thích Trí Quang được coi là kiến trúc sư của phong trào Phật giáo tranh đấu giai đoạn 1963-1966. Với chủ trương đấu tranh ôn hòa noi gương Mahatma Gandhi, Ngài đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình tuyệt thực, cầu nguyện quy mô lớn phản đối bất công xã hội. Năm 1963, Thượng tọa Trí Quang cùng chư tôn đức lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, yêu cầu Tổng thống Ngô Đình Diệm thực thi 5 nguyện vọng chính đáng của Phật tử. Nhờ tài tổ chức và quyết tâm sắt đá của ông, phong trào đã lan rộng và buộc chính quyền phải nhượng bộ trước khi bị lật đổ. Sau đó, Thích Trí Quang tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong GHPGVNTN: Năm 1964, Ngài góp phần thống nhất các hệ phái Phật giáo, được cử làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoằng pháp, rồi Tổng vụ Trưởng Thanh niên. Trong những

năm 1964-1966, Hòa thượng nhiều lần dẫn dắt tăng ni xuống đường đòi chính quyền quân sự Nguyễn Khánh, Nguyễn Cao Kỳ thực thi hòa bình, dân chủ. Đỉnh điểm là biến động miền Trung 1966, Thích Trí Quang kêu gọi quần chúng phản đối chế độ quân quản hà khắc ở Huế - Đà Nẵng. Mặc dù phong trào này bị đàn áp đẫm máu và bản thân Ngài bị quản thúc, tinh thần bất bạo động và lý tưởng từ bi của Thích Trí Quang đã thắp lên ngọn lửa đấu tranh ôn hòa trong lòng Phật tử suốt thập niên 1960.

Thích Trí Quang là hiện thân của một nhà sư yêu nước bất khuất, người coi việc đấu tranh cho tự do tôn giáo và hòa bình dân tộc là sứ mệnh thiêng liêng. Ngài kiên trì nguyên tắc “bất bạo động”, sẵn sàng hy sinh thân mình để phản đối bất công thay vì dung dưỡng bạo lực. Năm 1963, Thượng tọa Trí Quang từng tuyệt thực nhiều ngày trong khuôn viên Đại sứ quán Mỹ để kêu gọi Washington gây sức ép buộc chính quyền Sài Gòn chấm dứt đàn áp. Sự kiện này cùng tài hùng biện của ông trước báo giới quốc tế đã khiến dư luận Mỹ hết sức chú ý. Đến mức năm 1966, tạp chí TIME danh tiếng đã đưa ảnh Hòa thượng Thích Trí Quang lên trang bìa, mô tả ông là “nhà sư lôi cuốn đã góp phần lật đổ những chính phủ được Mỹ hậu thuẫn ở Nam Việt Nam và thúc đẩy một quốc gia dân chủ với tự do tôn giáo”. Quả thật, trong mắt quốc tế, Thích Trí Quang là biểu tượng cho tiếng nói lương tri của Phật giáo Việt Nam giữa cuộc chiến tranh: một người dám đương đầu với chính quyền độc tài để đòi quyền sống và công bằng cho đồng bào. Dù bị chính quyền Sài Gòn lẫn chính quyền mới sau 1975 tìm cách vô hiệu hóa (Ngài phải ẩn cư tại chùa Già Lam, Sài Gòn sau thống nhất), Hòa thượng Trí Quang vẫn kiên định với con đường phụng sự đạo pháp và dân tộc cho đến cuối đời.

Hòa thượng Thích Trí Quang được xem là một trong những cao tăng có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Việt Nam cận đại. Nhờ trí tuệ uyên thâm và lập trường bất khuất, Ngài đã dẫn dắt phong trào Phật giáo vượt qua khủng hoảng, đồng thời truyền cảm hứng cho hàng triệu Phật tử về tinh thần nhập thế. Nhiều người đánh giá công lao của ông sánh ngang với các vị lãnh tụ phong trào dân quyền trên thế giới trong thập niên 60. Hình ảnh một nhà sư mảnh khảnh tay cầm chuỗi hạt đối thoại với các tướng lĩnh, hay tuyên bố trước công luận quốc tế, đã để lại dấu ấn đặc biệt: biểu tượng của sự kiên định và khéo léo đấu tranh. Sau này, dù rút lui khỏi chính trường, Thích Trí Quang vẫn tiếp tục dịch thuật kinh điển và trước tác, âm thầm đóng góp cho đạo pháp. Cuộc đời 95 năm của Ngài cho thấy một bậc xuất gia “thế nhưng không rời thế”: lấy mục tiêu giải thoát chúng sinh làm lẽ sống, sẵn sàng hiến thân vào chốn trần ai nếu điều đó giúp ích cho đạo và đời. Tên tuổi Thích Trí Quang sẽ còn được hậu thế nhắc nhớ như “ngọn đuốc Trí Quang” bất diệt, soi sáng con đường đồng hành của Phật giáo với dân tộc trong giai đoạn đầy biến động của lịch sử.

Hòa thượng Thích Minh Nguyệt (1907-1985)



(Ảnh: Internet)

Sinh tại Thủ Dầu Một, xuất gia từ 13 tuổi với Tổ Huệ Đăng, sớm được hun đúc tinh thần yêu nước. Hoàng hóa khắp Nam Bộ, gần đạo với đời, lãnh đạo Hội Phật giáo Cứu quốc nhiều tỉnh, Ủy viên Mặt trận Việt Minh. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Ngài biến chùa thành cơ sở cách mạng, nuôi giấu cán bộ, cứu trợ thương binh. Năm 1960 bị bắt, đày Côn Đảo 17 năm nhưng vẫn kiên định. Sau 1973, tiếp tục đấu tranh đô thị, vận động Phật tử ủng hộ cách mạng.

Sau 1975, giữ nhiều trọng trách trong Phật giáo và Mặt trận Tổ quốc, sáng lập báo Giác Ngộ, tham gia vận động thống nhất Phật giáo toàn quốc. Được tôn cử làm Phó Pháp chủ Thường trực GHPGVN, Ngài để lại hình ảnh bậc cao tăng yêu nước, kiên trung.

Ngoài ra, còn có thể kể đến những vị cao tăng khác đã có những đóng góp to lớn như **Hòa thượng Thích Thiện Hòa (1907-1978)**: Đồng môn của Hòa thượng Thích Thiện Hoa, sáng lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1951), Giám đốc Phật học đường Nam Việt, tích cực giáo dục tăng ni, lập cơ sở từ thiện, tham gia phong trào tranh đấu 1963-1966, tiêu biểu cho tinh thần tự lực và khiêm cung. **Hòa thượng Thích Thiện Minh (1922-1978)**: Ngài là Tổng Thư ký Tổng hội Phật giáo Trung phần 1963, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên GHPGVNTN, chú trọng xây dựng Gia đình Phật tử, tham gia vận động hòa bình quốc tế. Sau 1975, kiên trì bảo vệ quyền tự chủ Giáo hội, bị giam cầm và hy sinh, trở thành biểu tượng bất khuất của Phật giáo Việt Nam.

4. Đánh giá và kết luận

Qua khảo cứu, có thể khẳng định rằng các vị cao tăng yêu nước ở Nam Bộ thế kỷ XX đã đóng vai trò vừa là lãnh đạo tôn giáo, vừa là những chiến sĩ kiên trung của phong trào giải phóng dân tộc. Trong bối cảnh chiến tranh và biến động chính trị, các ngôi chùa không chỉ là cơ sở tu hành mà còn trở thành hậu phương tinh thần, nơi che chở, nuôi dưỡng ý chí kháng chiến và tiếp tế cho lực lượng cách mạng. Thông qua các buổi thuyết pháp, nghi lễ, lễ hội Phật giáo, các vị đã khéo léo truyền bá tinh thần yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, đồng thời duy trì mạng lưới cơ sở trong cộng đồng Phật tử để hỗ trợ phong trào.

Trên phương diện xã hội - văn hóa, các cao tăng đã bảo tồn và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống, đưa tư tưởng từ bi - vô úy của đạo Phật vào thực tiễn đấu tranh, củng cố khối đoàn kết toàn dân. Sự kết hợp hài hòa giữa lý tưởng tôn giáo và mục tiêu độc lập dân tộc là minh chứng rõ rệt cho mối gắn bó khăng khít giữa đạo pháp và dân tộc trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

Ý nghĩa lịch sử của các hoạt động này vượt rang ngoài khuôn khổ của phong trào Phật giáo Nam Bộ, trở thành bài học quý về việc vận dụng sức mạnh tinh thần tôn giáo vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Những tấm gương như Thích Quảng Đức, Thích Thiện Hoa, Thích Trí Quang, Thích Minh Nguyệt... để lại di sản tinh thần về sự hy sinh, kiên định và trí tuệ ứng xử trước thử thách, đồng thời khẳng định rằng tôn giáo, khi gắn bó với vận mệnh đất nước, có thể trở thành lực lượng xã hội hùng mạnh.

Trong điều kiện của bài viết này, tác giả chỉ có thể khái quát về tấm gương của những vị cao tăng kể trên, còn có rất nhiều các vị hòa thượng khác đã có những đóng góp to lớn cho nền hòa bình hiện nay. Trong tương lai, việc nghiên cứu sâu hơn về tư tưởng, trước tác và tác động cụ thể của từng vị cao tăng, cũng như so sánh vai trò của các bậc cao tăng Nam Bộ với các vùng khác, sẽ góp phần hoàn thiện bức tranh toàn diện về Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX.

Tác giả: **Trần Tấn Khải**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Chú thích:

1) Sinh viên Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.

Tài liệu tham khảo:

1. Tài liệu tiếng Việt

1] Tâm An (2025), *Phật giáo - Ngọn đuốc tâm linh góp phần giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước*, Phật Sự Online, <https://phatsuoonline.vn/phat-giao-ngon-duoc-tam-ling-gop-phan-giai-phong-dan-toc-thong-nhat-dat-nuoc>, truy cập ngày 10/08/2025.

2] Thích Đồng Bổn (chủ biên) (2016), *Danh Tăng Việt Nam (tập 1, 2, 3)*, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.

3] Ban Trị sự GHPGVN TP. Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh*, NXB TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM.

4] Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, NXB TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM.

5. *Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (4 tập)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6] Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận (tập I, II, III)*, NXB Văn Học, Hà Nội.

7] Trần Hồng Liên (1996), *Phật giáo Nam Bộ - từ thế kỷ XVII đến năm 1975*, NXB TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM.

8] Trần Hồng Liên (2019), *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam Bộ: văn hóa và xã hội*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

9] Thích Viên Trí (2023), *Những đóng góp của Hòa thượng Thích Quảng Đức đối với xã hội và Phật giáo*, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19381>, truy cập ngày 10/08/2025.

10] Nguyễn Túc (2019), *Hòa thượng Thích Minh Nguyệt với sự nghiệp cách mạng*, Báo Đại Đoàn Kết, <https://daidoanket.vn/hoa-thuong-thich-minh-nguyet-voi-su-nghiep-cach-mang-10122716.html>, truy cập ngày 10/08/2025.

2. Tài liệu tiếng Anh:

1] Chapman, Jessica M. (2013), *Cauldron of Resistance: Ngo Dinh Diem, the United States, and 1950s Southern Vietnam*, Cornell University Press, Ithaca.

2] Marr, David G. (1981), *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*, University of California Press, Berkeley.

3] *Nguyen Tai Thu (Chief Ed.) (2008), The History of Buddhism in Vietnam, Council for Research in Values and Philosophy, Washington, D.C.*